

Bản án số: 12/2023/HS – PT

Ngày: 17-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Đoàn.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Túc và bà Trần Thanh Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 08/2023/TLPT - HS ngày 21/02/2023 đối với bị cáo Bùi Tiến G, Bùi Duy D, Bùi Mạnh L do có kháng cáo của các bị cáo Bùi Tiến G, Bùi Duy D, Bùi Mạnh L và kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Vân đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình.

Các Bị cáo kháng cáo:

1. Bùi Tiến G, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1958 tại: Lương Sơn, Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm Đồng Lau, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Chắt, sinh năm 1931 và bà Bùi Thị Tinh, đã chết; có vợ Bùi Thị Bông và 04 con (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1989); gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con cả trong gia đình.

Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 12-QĐ/UBKTHU, ngày 17/11/2020, của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Lương Sơn, kể từ ngày 17/11/2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2020 đến ngày 27/01/2021. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Duy D; sinh ngày 12 tháng 6 năm 1957 tại: Lương Sơn, Hòa Bình; nơi cư trú: xóm Cao, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn My (đã chết) và bà Lưu Thị Diễm, (đã chết); có vợ Đinh Thị Thắm (sinh năm 1956) và 05 con, (lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1988); gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị Đình chỉ sinh hoạt Đảng, theo Quyết định số 51-QĐ/UBKTHU, ngày 27/12/2021, kể từ ngày 28/12/2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Mạnh L; sinh ngày 09 tháng 10 năm 1958 tại: Lương Sơn, Hòa Bình; nơi cư trú: xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Kín, (đã chết) và bà Bùi Thị Mão (đã chết); có vợ Bùi Thị Bi (sinh năm 1962) và 04 con (lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1993); gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị Đình chỉ sinh hoạt Đảng, theo Quyết định số 50-QĐ/UBKTHU, ngày 27/12/2021, kể từ ngày 28/12/2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có 03 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Hoàng Thị Hoàn; sinh năm 1981; trú tại: Xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Bà Bùi Thị Tuyết; sinh năm 1972; trú tại: Xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Ông Hoàng Văn Hiệp; sinh năm 1978; trú tại: Xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

4. Bà Bùi Thị Hương; sinh năm 1976; trú tại: Xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

5. Chị Bùi Thị Hà; sinh năm 1988; trú tại: Xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

6. Ông Hoàng Văn Phong; sinh năm 1974; trú tại: Xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

7. Bà Chu Thị Loan (Chu Thị Thiện); sinh năm 1971 (chết ngày 28/01/2018); người thừa kế quyền và nghĩa vụ: anh Nguyễn Văn Huy; sinh năm 1992; trú tại: Trung Cao, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; địa chỉ: xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

8. Bà Chu Thị Lương; sinh năm 1962; trú tại: Xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

9. Anh Bạch Văn Hanh; sinh năm 1985; trú tại: Xóm Vai Đào, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

10. Bà Nguyễn Thị Vân; sinh năm 1967; trú tại: Quê Sụ; xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; địa chỉ: đội 4, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

11. Ông Hoàng Công Toàn; sinh năm 1969; trú tại: Xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

12. Chị Hoàng Thị Định; sinh năm 1982; trú tại: Xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

13. Bà Đinh Thị Hằng; sinh năm 1975; trú tại: Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

14. Ông Đinh Văn Hoàn sinh năm 1971; trú tại Xóm Còi, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

15. UBND xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; địa chỉ: xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Công Hân - Chủ tịch UBND xã Q.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Thuận - Phó chủ tịch UBND xã Q.

- *Người Làm chứng:*

1. Anh Bùi Hải Quân; sinh năm 1986; trú tại: Xóm Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Chị Hoàng Thị Từ; sinh năm 1983; trú tại: Xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Bà Ngô Ngọc Bích; sinh năm 1968; trú tại: Tổ 2, tiểu khu 12, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

4. Ông Bạch Công Sinh; sinh năm 1964; trú tại: Xóm Thành Sơn, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

5. Ông Đinh Công Nhuận; sinh năm 1963; trú tại: Đồng Lau, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

6. Ông Đinh Văn Hội; sinh năm 1976; trú tại: Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

7. Bà Đinh Thị Mai; sinh năm 1962; trú tại: Quê Sụ, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

8. Ông Bùi Minh Châu; sinh năm 1979; trú tại: Xóm Cao, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

9. Ông Đinh Công Sơn; sinh năm 1953; trú tại: Xóm Hui, xã Q huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

10. Ông Bùi Quang Tự; sinh năm 1971; trú tại: Xóm Hui, xã Q huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

11. Ông Lưu Công Quỳnh; sinh năm 1965; trú tại: Xóm Vai Đào, xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

(Người liên quan là bà Nguyễn Thị Vân được Tòa án triệu tập đến phiên tòa có mặt, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác và người làm chứng Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 26/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HSST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/4/2007, UBND tỉnh Hòa Bình có Quyết định số 885/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục quỹ đất để bán đấu giá và Quyết định số: 2904/QĐ UBND ngày 18/11/2007 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc thu hồi và giao cho Hội đồng đấu giá huyện Lương Sơn đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Cao Răm (nay là xã Q). Ngày 17/12/2007, UBND xã Cao Răm tiến hành thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng đất của các hộ dân với tổng diện D là 7.787,7m² để xây dựng trung tâm hành chính của xã, trong đó xây dựng sân vận động và nhà bia tưởng niệm của xã với diện D 6428,2m, còn lại 1.359,5m ở khu vực gốc Dâu, xóm Quê Sụ, xã Cao Răm tiếp giáp với đường liên xã thì UBND xã Cao Răm đã xin UBND huyện Lương Sơn phê duyệt quỹ đất bán đấu giá, tuy nhiên không thực hiện được nên vẫn để hoang hóa.

Đến năm 2009, Bùi Tiến G, khi đó đang là chủ tịch UBND xã Cao Răm đã nảy ra ý định về việc cấp đất ở có thu tiền cho người dân đối với khu đất Gốc Dâu, xóm Quê Sụ để lấy tiền chi tiêu cho hoạt động chung của xã Cao Răm. Sau đó, Bùi Tiến G có sang phòng làm việc của Bùi Mạnh L, khi đó là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Cao Răm để bàn bạc về việc này. Sau khi nghe Bùi Tiến G đưa ra ý định về việc cấp đất, Bùi Mạnh L biết thẩm quyền của UBND xã không được cấp đất ở có thu tiền nhưng vẫn nhất trí với Bùi Tiến G thực hiện việc cấp đất ở có thu tiền tại khu vực Gốc Dâu và nhất trí đưa ra cuộc họp bàn với thành viên trong Thường trực Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã (sau đây viết tắt là ba Thường trực).

Sau đó Bùi Tiến G tổ chức họp bàn với Hoàng Văn Thường (Phó Chủ tịch Thường trực UBND xã), Bùi Mạnh L (Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã),

Hoàng Văn Lượng (Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã), Bùi Duy D (Phó Chủ tịch Thường trực HĐND xã). Cuộc họp do Bùi Tiến G chủ trì, trong cuộc họp Bùi Tiến G đưa ra nội dung cấp đất ở có thu tiền cho người dân đối với khu vực đất Gốc Dâu thì được mọi người tham dự họp đều nhất trí. Sau cuộc họp, Bùi Tiến G giao cho Đinh Thị Huệ, lúc đó là công chức địa chính của xã đo đạc, kiểm đếm diện D thực tế của khu đất. Kết quả đo đạc thực địa tổng diện D khu vực đất Gốc Dâu là: 1.395,5m, trong đó có 1.122,9m² đất mạ (đất trồng một vụ lúa); 170,1m² đất hoang (đất gò đồi) và 66,5m² đất hoang (đất nương).

Ngày 15/8/2009, Bùi Tiến G tiếp tục tổ chức cuộc họp gồm có Bùi Mạnh L, Hoàng Văn Lượng, Hoàng Văn Thường và Bùi Duy D. Trong cuộc họp Bùi Tiến G đưa ra trình bày việc phân chia khu đất Gốc Dâu thành 15 lô, mỗi lô có kích thước chiều rộng mặt đường 04 m, chiều sâu 27 m, diện D của mỗi lô là khoảng 108m; giá sàn là 40 triệu đồng/lô và thông báo cho các hộ dân có nhu cầu biết để đăng ký nộp tiền nhận đất. Sau cuộc họp, Đinh Thị Huệ được giao tiến hành đo đạc cắm mốc phân lô. Các hộ dân có nhu cầu được cấp đất ở thì đăng ký trực tiếp với Bùi Tiến G. Tuy nhiên, người dân đăng ký đều chọn vị trí lô đất đẹp (là vị trí bằng phẳng ở gần bưu điện văn hóa xã). Do vậy, Bùi Tiến G quyết định bàn bạc lại với ba Thường trực chia khu đất gốc Dâu thành 15 lô, với các mức giá là: Vị trí I: giáp nương nước của xóm Quê Sụ, gồm: 05 lô với giá 40 triệu/lô; Vị trí II: ở giữa khu vực đất, gồm: 02 lô với giá 43 triệu/lô; Vị trí III: khu vực giáp Bưu điện văn hóa xã bằng phẳng, gồm: 08 lô với giá 45 triệu/lô. Bùi Tiến G đề xuất phân công giao cho Bùi Duy D làm thủ quỹ, thu tiền của các hộ dân và quản lý số tiền thu được. Để cho công bằng, dân chủ thì sẽ tổ chức cho các hộ bốc thăm để nhận lô đất, bốc được lô nào thì nộp tiền tương ứng với lô đó và được các hộ dân nhất trí. Những người tham gia cuộc họp đều nhất trí với chủ trương của Bùi Tiến G đưa ra. Tại cuộc họp, Bùi Mạnh L cũng nhất trí theo nội dung Bùi Tiến G đưa ra và chỉ đạo giao cho UBND xã thực hiện.

Ngày 24/8/2009, UBND xã tiếp tục tổ chức cuộc họp do Bùi Tiến G chủ trì, có mặt ba Thường trực gồm: Bùi Mạnh L; Hoàng Văn Lượng; Hoàng Văn Thường; Bùi Duy D. Cuộc họp triển khai nhiều công việc trong đó có nội dung chuẩn bị cho các hộ dân đã đăng ký bốc thăm vào chiều ngày 25/8/2009. Tại cuộc họp Bùi Tiến G phân công giao cho Đinh Thị Huệ và các cán bộ trong Ủy ban nhân dân xã thông báo cho các hộ dân có mặt tại hội trường UBND xã để tham gia bốc thăm và giao cho Đinh Thị Huệ chuẩn bị lá thăm, văn bản giấy tờ cần thiết để tổ chức cuộc họp bốc thăm.

Vào 13 giờ 30 phút ngày 25/8/2009, tại Hội trường của UBND xã Cao Răm tiến hành tổ chức cuộc họp bốc thăm, với sự có mặt của ba Thường trực, trưởng các ban ngành trong UBND xã và đại diện của 15 hộ dân gồm: Hoàng Văn Hiệp, Hoàng Công Thuận, Hoàng Văn Trọng, Bùi Thị Tuyết, Hoàng Thị Hoàn, Nguyễn Thị Hà, Đinh Quang Điền, Bạch Văn Hanh, Chu Thị Lương, Bùi Thị

Hương, Đinh Công Mạnh, Nguyễn Thị Chí, Nguyễn Thị Vân, Hoàng Công Toàn, Bùi Thị Hà. Cuộc họp bốc thăm do Bùi Tiến G chủ trì, giao cho Đinh Thị Huệ viết biên bản, chuẩn bị lá thăm và lập danh sách các hộ đã bốc được số lô đất. Tuy nhiên, trong cuộc họp Đinh Thị Huệ chưa kịp làm thăm nên Bùi Tiến G trực tiếp làm. Lần lượt các hộ lên bốc thăm, trong đó hộ Hoàng Công Toàn tự nhận luôn lô số 15, không cần bốc thăm. Còn lại 14 hộ bốc thăm kết quả như sau: Lô số 1 hộ Hoàng Thị Hoàn; lô số 2 hộ Bùi Thị Tuyết; lô số 3 hộ Hoàng Công Thuận; lô số 4 hộ Hoàng Văn Hiệp; lô số 5 hộ Nguyễn Thị Hà; lô số 6 hộ Hoàng Văn Phong (con Hoàng Văn Trọng); lô số 7 hộ Đinh Quang Điền; lô số 8 hộ Bùi Thị Hà; lô số 9 hộ Bạch Văn Hanh; lô số 10 hộ Chu Thị Lương; lô số 11 hộ Đinh Công Mạnh; lô số 12 hộ Nguyễn Thị Vân; lô số 13 hộ Bùi Thị Hương; lô số 14 hộ Đinh Công Nhuận. Sau khi các hộ bốc thăm xong thì Đinh Thị Huệ hoàn thiện biên bản cuộc họp, danh sách bốc thăm và cho các hộ ký tên vào danh sách.

Sau cuộc họp bốc thăm, bà Nguyễn Thị Vân đã hỏi ý kiến Bùi Tiến G để đăng ký nộp tiền nhận 01 lô đất ở khu vực Thung Âm thuộc xóm Quê Sụ, xã Cao Răm cách khu vực đất Góc Dâu khoảng 500 m, là đất của nhà trường tiểu học Cao Răm, diện D 324 m² và được Bùi Tiến G đồng ý. Bùi Tiến G yêu cầu bà Vân nộp 50 triệu đồng cho Bùi Duy D. Trong quá trình chuẩn bị nộp tiền để nhận đất thì có một số hộ bỏ không nộp tiền để nhận đất, vì vậy các hộ có đổi số lô cho những người đã bỏ không nộp tiền nhận đất, cụ thể: lô số 5 Nguyễn Thị Hà bỏ không nộp tiền thì Bùi Thị Hà đổi từ lô số 8 lấy lô số 5; hộ Chu Thị Lương đổi từ lô số 10 lấy lô số 8; hộ Đinh Công Mạnh bỏ lô số 11; hộ Bùi Thị Hương bỏ lô số 13 thì Hoàng Thị Định đăng ký nộp tiền lấy; lô số 14 hộ Đinh Công Nhuận bỏ không nộp tiền.

Sau ngày bốc thăm, Bùi Duy D là người trực tiếp thu tiền, viết giấy biên nhận tiền và biên bản giao đất ở cho những hộ nộp đủ tiền (các biên bản giao đất đều có ký xác nhận đóng dấu của Bùi Tiến Ất là Chủ tịch hoặc Hoàng Văn Thường là Phó Chủ tịch UBND xã, Bùi Duy D ký bên giao đất). Từ ngày 26/8/2009 đến 23/7/2010, các hộ dân đã nộp xong tiền các lô đất, cụ thể: Nguyễn Thị Vân nộp 50 triệu đồng để nhận lô đất 324m² ở Thung Âm, xóm Quê Sụ; hộ Bùi Thị Hoàn nộp 45 triệu lô số 1; hộ Bùi Thị Tuyết nộp 45 triệu lô số 2; hộ Hoàng Công Thuận nộp 45 triệu lô số 3; hộ Hoàng Văn Hiệp nộp 45 triệu lô số 4; hộ Bùi Thị Hà nộp 40 triệu lô số 5 (bỏ đẻ là Bùi Mạnh L nộp thay); hộ Hoàng Văn Trọng nộp 45 triệu lô số 6; hộ Chu Thị Thiện nộp 45 triệu lô số 7 (lô số 7 Đinh Quang Điền đang ký bốc thăm cho vợ); hộ Chu Thị Lương nộp 45 triệu lô số hộ Bạch Văn Hanh nộp 43 triệu lô số 9; Đinh Thị Huệ nộp 80 triệu lấy lô số 10 và 11 (do các hộ Chu Thị Lương đổi xuống lô số 8 và Đinh Công Mạnh bỏ lô số 11 không lấy); hộ Nguyễn Thị Vân nộp 40 triệu lô số 12; hộ

Hoàng Thị Định nộp 40 triệu lô số 13; hộ Hoàng Công Toàn nộp 80 triệu lấy lô số 14 và 15 (lô số 14 Đình Công Nhuận bỏ).

Sau khi các hộ đã nộp đầy đủ số tiền thì danh sách cụ thể như sau: Lô số 1 hộ Hoàng Thị Hoàn; Lô số 2 hộ Bùi Thị Tuyết; Lô số 3 hộ Hoàng Công Thuận; Lô số 4 hộ Hoàng Văn Hiệp; Lô số 5 hộ Bùi Thị Hà; Lô số 6 hộ Hoàng Văn Phong; Lô số 7 hộ Chu Thị Thiện; Lô số 8 hộ Chu Thị Lương; Lô số 9 hộ Bạch Văn Hạnh; Lô số 10 Đình Thị Huệ; Lô số 11 Đình Thị Huệ; Lô số 12 hộ Nguyễn Thị Vân; Lô số 13 hộ Hoàng Thị Định; Lô số 14 hộ Hoàng Công Toàn; Lô số 15 hộ Hoàng Công Toàn. Đến năm 2011 một số hộ đã chuyển nhượng thửa đất cho người khác hoặc đổi vị trí lô đất cho nhau cụ thể danh sách như sau: Lô số 1 hộ Hoàng Thị Hoàn; Lô số 2 hộ Bùi Thị Tuyết; Lô số 3 hộ Hoàng Công Thuận; Lô số 4 hộ Hoàng Văn Hiệp; Lô số 5 hộ Bùi Thị Hà; Lô số 6 hộ Hoàng Văn Phong; Lô số 7 hộ Chu Thị Thiện; Lô số 8 hộ Chu Thị Lương; Lô số 9 hộ Bạch Văn Hạnh; Lô số 10 hộ Vũ Khiêm (Đình Thị Huệ bán chuyển nhượng lại cho Vũ Khiêm); Lô số 11 Đình Công Toàn (Đình Thị Huệ bán chuyển nhượng lại cho Hoàng Công Toàn); Lô số 12 Hoàng Công Toàn (Nguyễn Thị Vân bán chuyển nhượng lại cho Hoàng Công Toàn); Lô số 13 Hoàng Công Toàn (Hoàng Thị Định đổi lô 13 cho Hoàng Công Toàn để lấy lô số 15); Lô số 14 hộ Hoàng Công Toàn; Lô số 15 hộ Hoàng Thị Định.

Tổng số tiền các hộ nộp cho Bùi Duy D là 688.000.000đ (sáu trăm tám mươi tám triệu đồng). Toàn bộ số tiền thu được do Bùi Duy D cất giữ tại nhà, không nộp vào kho bạc nhà Nước. Việc thu tiền là Bùi Tiến G phân công và giao cho Bùi Duy D thực hiện đã được thông qua trong các cuộc họp và được sự đồng ý của những người trong ba Thường trực. Quá trình thu tiền của các hộ dân, Bùi Duy D có báo cáo lại kết quả thực hiện cho Bùi Tiến G biết. Bùi Tiến G có báo cáo lại cho Bùi Mạnh L biết nhưng L không có ý kiến chỉ đạo gì. Sau khi thu tiền của các hộ dân, Bùi Duy D nhờ Hoàng Thị Từ là kế toán hợp đồng của UBND xã viết hộ phiếu thu, còn bản thân Bùi Duy D trực tiếp viết “Biên bản bàn giao đất ở” cho các hộ trên.

Sau khi các hộ dân nộp đủ tiền, UBND xã Cao Răm có làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân nhưng do việc giao đất không đúng quy định của pháp luật nên việc này không thực hiện được. Tuy nhiên, hằng năm, Bùi Tiến G và Hoàng Văn Thường chỉ đạo cán bộ địa chính đưa vào kế hoạch sử dụng đất ở đối với khu vực trên.

Cho đến năm 2012, UBND xã Cao Răm mới ký ban hành các văn bản đề làm thủ tục xin cấp Giấy CNQSDĐ cho các hộ dân, gồm: Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 06/12/2012 về việc xin giao đất có thu tiền sử dụng đất; niêm yết danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; biên bản xác minh nguồn gốc đất; quyết định kiện toàn hội đồng cấp đất xã Cao Răm; Biên bản kết thúc danh sách công khai các trường hợp đủ điều

kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Công văn số 612/UBND-TNMT ngày 12/10/2012 của UBND huyện Lương Sơn về việc đồng ý chuyển 1.395,5m quỹ đất đầu giá quyền sử dụng đất tại khu vực gốc Dâu thuộc xóm Quê Sứ, xã Cao Rãm sang giao đất có thu tiền sử dụng đất năm 2012. Đến ngày 16/12/2012, UBND huyện Lương Sơn đã ra Quyết định về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các hộ dân.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ do Đình Thị Huệ làm, qua rà soát các hộ nếu hộ nào không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Đình Thị Huệ hướng dẫn cho các hộ nhờ người khác đứng tên đề nghị cấp giấy chứng nhận. Các hộ đủ điều kiện để đứng tên giấy chứng nhận và các hộ phải nhờ tên người khác đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau: Lô của Hoàng Thị Hoàn thửa 405 diện D 90,8m²; Lô của Bùi Thị Tuyết nhờ em trai Bùi Xuân Ban đứng tên thửa 406 diện D 90,8m²; Lô của Hoàng Văn Hiệp nhờ em rể là Bùi Văn Điều đứng tên thửa 407 diện D 90,5m²; Lô của Bùi Thị Hương nhờ cậu ruột là Bùi Văn Hiệp đứng tên thửa 408 diện D 90,9m²; Lô của Bùi Thị Hà thửa số 409 diện D 90,8m; Lô của Hoàng Văn Phong thửa số 410 diện D 90,6m; Lô của Chu Thị Loan tên thửa 411 diện D 90,6m; Lô của Chu Thị Lương nhờ em chồng Bùi Thị Miện đứng tên thửa 412 diện D 90,5m; Lô của Bạch Văn Hanh thửa số 213 diện D 90,7m; Lô của Vũ Khiêm vợ là Đình Thị Hằng nhờ Hoàng Minh Tươi đứng tên thửa 414 diện D 90,4m²; Lô của Nguyễn Thị Vân nhờ Hoàng Thị Mừng là em chồng đứng tên thửa 415 diện D 90,4m; Lô của Hoàng Công Toàn nhờ Đình Công Vọng đứng tên thửa 416 diện D 90,5m; Lô của Hoàng Công Toàn nhờ Đình Công Vũ đứng tên thửa số 417 diện D 90,6m; Lô của Hoàng Công Toàn nhờ Đình Văn Phương đứng tên thửa số 418 diện D 90,5m; Lô số 19 của Hoàng Thị Định thửa 419 diện D 90,6m. Đình Thị Huệ trực tiếp cầm hồ sơ đến cho các hộ ký tên vào Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoàn thiện các thủ tục sau đó nộp hồ sơ lên UBND huyện Lương Sơn.

Để hoàn thiện các thủ tục cấp đất cho các hộ dân, ngày 28/12/2012 Hoàng Văn Thường chỉ đạo Bùi Duy D chi 235.000.000 đồng (là tiền thu được của các hộ dân) cho Đình Thị Huệ nộp tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai vào Kho bạc Nhà nước để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Đình Thị Huệ nộp 204.945.000 (hai trăm linh tư triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) vào Kho bạc Nhà nước, số tiền còn lại được Huệ chi vào các khoản khác nhưng không có hóa đơn, chứng từ. Đến ngày 14/01/2013 thì các hộ dân được UBND huyện Lương Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên diện D mỗi lô đất được cấp chỉ từ 90,4 m² – 90,9 m không phải là 108 m² như nội dung đưa ra trong các cuộc họp ban đầu.

Riêng hộ Nguyễn Thị Vân nộp khoản tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho Bùi Duy D theo sự chỉ đạo của Bùi Tiến G để được cấp diện D đất

324m ở khu vực Thung Âm thuộc xóm Quê Sù. Tuy nhiên, thửa đất này là đất của trường tiểu học xã Cao Rằm do UBND xã quản lý nên bà Vân không được nhận đất, hiện nay UBND xã Q vẫn đang quản lý thửa đất nói trên. Đến nay bà Nguyễn Thị Vân vẫn chưa được nhận lại số tiền 50.000.000đ đã nộp.

Quá trình điều tra xác định được bị cáo Đinh Thị Huệ nộp tiền hai thửa đất số 10 và 11 với số tiền là 40.000.000đ/1lô. Sau đó, Đinh Thị Huệ đã chuyển nhượng lại cho ông Vũ Khiêm có vợ là Bà Đinh Thị Hằng và ông Hoàng Công Toàn với số tiền 55.000.000đ/1 lô. Hai lô đất trên Đinh Thị Huệ hưởng chênh lệch so với lúc đầu là 30.00.000đ (ba mươi triệu đồng).

Đối với số tiền thu được của các hộ dân, đã được chi cụ thể như sau:

- Ngày 01/10/2009, Bùi Tiến G chỉ đạo chi 10.000.000 đồng để tổ chức Đại hội thể dục thể thao điểm tại xã, khoản này Bùi Hải Quân cán bộ văn hóa của xã nhận trực tiếp từ D.

- Ngày 14/12/2009, Hoàng Văn Thường chỉ đạo chi 15.600.000đ (mười năm triệu, sáu trăm nghìn đồng) cho Đinh Thị Huệ - Cán bộ địa chính xã đi làm thủ tục cấp sổ đỏ (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ). Huệ nhận tiền trực tiếp từ D.

- Ngày 30/3/2010, Bùi Tiến G cho Đinh Văn Hoàn ở xóm Cờ, xã Tân Vinh vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Khoản này là do Bùi Tiến G cho Hoàn vay cá nhân, do hai người có quen biết nhau nhưng, Bùi Duy D viết giấy vay tiền, cho vay . Sau khi vay tiền, Hoàn có trả được tiền lãi 03 tháng là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), D là người trực tiếp nhận tiền.

- Ngày 10/6/2010, Bùi Mạnh L – Bí thư đảng ủy xã đề nghị Bùi Tiến G - Chủ tịch UBND xã hỗ trợ kinh phí cho đại hội đảng bộ xã khóa 21 nhiệm kỳ 2010 – 2015 vì đảng ủy không có nguồn và được G đồng ý, chi hỗ trợ Đại hội: 15.000.000đ (mười năm triệu đồng), D chi trực tiếp cho L.

- Ngày 12/6/2010, Bùi Tiến G chỉ đạo chi mua kết sắt, tủ, bàn ghế, máy nổ cho UBND xã số tiền: 17.020.000đ (mười bảy triệu, không trăm hai mươi nghìn)- người nhận Nguyễn Văn Thành.

- Ngày 21/6/2010 và ngày 29/6/2010, Bùi Tiến G chỉ đạo chi hỗ trợ trường tiểu học Cao Rằm xây dựng tượng đài Kim Đồng số tiền: 10.000.000đ (mười triệu đồng), D chi trực tiếp cho bà Ngô Ngọc Bích hiệu trưởng nhà trường.

- Ngày 23/6/2010, Bùi Tiến G duyệt chi hỗ trợ may quần áo cho đại biểu HĐND xã khóa 17, tổng số 23 bộ x 1.500.000đ/bộ = 34.500.000đ (ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng), may đo nhà may Tuấn Anh, thành phố Hòa Bình.

- Ngày 30/7/2010, Bùi Tiến G duyệt chi cho Bạch Công Sinh cán bộ văn phòng UBND xã số tiền: 50.880.000đ (năm mươi triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng) để tổ chức cho cán bộ UBND xã đi thăm quan. Ông Sinh nhận tiền trực tiếp từ D.

- Ngày 28/12/2012, Hoàng Văn Thường – Phó chủ tịch UBND xã chỉ đạo chi cho Đinh Thị Huệ số tiền: 235.000.000đ (hai trăm ba mươi năm triệu đồng) nộp tiền thuế để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Đinh Thị Huệ nhận tiền trực tiếp từ D.

Các khoản thu chi được D ghi chép đầy đủ vào quyển sổ tay “Tổng liên đoàn lao động Việt Nam (2009 kỷ Sửu)”. Việc chi tiền do Bùi Tiến G quyết định, có báo cáo lại cho Bùi Mạnh L biết. Đến ngày 25/8/2010, Bùi Tiến G có quyết định miễn nhiệm chức danh chủ tịch UBND xã Cao Răm thì công việc chỉ đạo liên quan đến việc cấp đất cho các hộ dân sau này do Hoàng Văn Thường - Phó chủ tịch UBND xã tiếp tục chỉ đạo thực hiện.

Ngày 07/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lương Sơn, Hòa Bình gửi Yêu cầu định giá tài sản số 125 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lương Sơn, Hòa Bình tiến hành định giá các thửa đất: 405; 406; 407; 408; 409; 410; 411; 412; 413; 414; 415; 416; 417; 418; 419 thuộc tờ bản đồ 193 – a – I. Địa chỉ đất: xóm Quê Sụ, xã Cao Răm (nay là xã Q) huyện Lương Sơn, Hòa Bình, tổng diện D là 1359,5m.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 19/5/2021 và Công văn số 04/HĐĐG-TT ngày 07/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lương Sơn đã xác định tổng giá trị tài sản đối với các thửa đất trên tại thời điểm năm 2009 là: 25.519.800đ (hai mươi lăm triệu năm trăm mười chín nghìn tám trăm đồng).

Quá trình điều tra cơ quan công an đã thu giữ:

- Thu giữ của Bùi Tiến G: 41 (bốn mươi một) tờ giấy khổ A4 là các bản phô tô copy gồm: 09 (chín) phiếu thu; 01 đơn đề nghị; 01 giấy vay tiền; 18 giấy biên nhận; 11 biên bản giao đất ở; 01 danh sách tổng hợp thu tiền đất dân; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khổ giấy A3 là bản phô tô mang tên Đinh Văn Toàn và Đinh Văn Hoàn; 01 quyển sổ có bìa màu đen, mặt trước bìa có ghi chữ “Bùi Tiến G 2008” quyển sổ bao gồm 99 tờ cả bìa trong đó 84 tờ có chữ viết tay.

Thu giữ của Hoàng Văn Thường: 01 túi nhựa màu trắng “ My Clear bag” bên trong đựng nhiều loại giấy tờ; 19 (mười chín) quyển sổ tay các loại (khi thu giữ được đánh số từ 01 đến 19, số thứ tự được dán tại mặt trước của bìa sổ); 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính); 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính). Đối với các giấy tờ, tài liệu này, ngoài quyển sổ tay đánh số thứ tự 4 thì các tài liệu còn lại xác định không liên đến quan vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lương Sơn đã trả lại cho Hoàng Văn Thường.

Thu giữ của Bùi Duy D: 01 tờ giấy A4 có ghi “tổng hợp thu tiền đất dân gồm”; 01 tờ giấy A4 có ghi “tổng hợp thu tiền đất dân các hộ”; 01 tờ giấy vở ghi “phiếu thu”; 01 tờ giấy A4 ghi “ tổng hợp thu tiền đất dân”; 01 tờ

giấy A4 ghi “ phiếu tổng hợp thu tiền đất dẫn dẫn của 14 hộ”; 02 giấy vay tiền vào ngày 30/3/2010 (một giấy viết tay, một giấy đánh máy; 01 tờ giấy A4 có ghi “thu hỗ trợ lãi”; 01 tờ giấy A4 ghi “ phần thu tiền đất các hộ dân”; 01 tờ giấy A4 có ghi “phần ' thu, phần chi”; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Văn Hoàn (bản chính); 01 đơn đề nghị (người viết Đinh Văn Hoàn); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Văn Toàn (bản phô tô); 01 quyền giáo án ghi chép (theo biên bản tạm giữ. 01 quyển sổ ghi chép có bìa màu xanh, trên bìa trước có ghi “tổng liên đoàn lao động Việt Nam” “2009 Kỷ Sử; 09 phiếu thu. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Văn Hoàn (bản chính) đã trả lại cho ông Đinh Văn Hoàn.

Thu giữ của Đinh Thị Huệ: 01 quyển vở, loại vở ô ly Hồng Hà, loại vở 48 trang, là quyển sổ ghi chép cá nhân; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10 Lite màu đen đã qua sử dụng. Ngày 21/6/2021, cơ quan điều tra đã trả lại cho Huệ do không liên quan đến vụ án.

Ngày 28/10/2021, Bùi Tiến G đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và Hoàng Văn Thường đã tự nguyện nộp số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả.

Ngày 28/10/2021, Đinh Thị Huệ đã tự nguyện nộp số tiền 45.655.000đ (*bốn mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) để khắc phục hậu quả và ngày 08/06/2022, Đinh Thị Huệ tự nộp lại số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là số tiền thu lời chênh lệch từ việc chuyển nhượng lại 02 thửa đất nói trên cho ông Vũ Khiêm và ông Hoàng Công Toàn để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 19/07/2022, Bùi Mạnh L đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để khắc phục hậu quả. Ngày 05/10/2022, Hoàng Văn Lượng đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để khắc phục hậu quả.

Đối với số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) do ông Đinh Văn Hoàn vay của Bùi Tiến G và Nguyễn Văn D. Sau này ông Đinh Văn Hoàn biết nguồn gốc số tiền trên liên quan đến thu của các hộ dân để cấp đất không đúng thẩm quyền nên ngày 26/04/2022, ông Đinh Văn Hoàn đã tự nguyện nộp lại số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HS- ST ngày 29/12/2022 Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Tiến G, Bùi Duy D, Bùi Mạnh L phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”

- Áp dụng: điểm a, khoản 2 Điều 357; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Tiến G 60 tháng tù, thời hạn tù, tính từ ngày tự nguyện đi thi hành án hoặc bị bắt thi hành án, được trừ đi 02 tháng 17 ngày đã tạm giam.

- Áp dụng: điểm a, khoản 2 Điều 357; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Duy D 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án.

- Áp dụng: Điểm a, khoản 2 Điều 357; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Mạnh L 36 tháng tù, thời hạn tù, tính từ ngày tự nguyện đi thi hành án hoặc bị bắt thi hành án.

Về tang vật vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bà Nguyễn Thị Vân 47.430.624đ (*bốn mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi, sáu trăm hai mươi tư đồng*).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên các bị cáo khác phạm tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ và quyết định hình phạt đối với các bị cáo, tuyên về tang vật vụ án, tuyên về trách nhiệm dân sự, tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 09/01/2023 bị cáo Bùi Tiến G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 05/01/2023 bị cáo Bùi Duy D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm điều tra lại vụ án trả lại sự công bằng cho bị cáo D.

Ngày 03/01/2023 bị cáo Bùi Mạnh L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 09/01/2023 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Vân có đơn kháng cáo xin được cấp đất.

Tại cấp phúc thẩm:

Bị cáo G nộp: Đơn xin giảm nhẹ hình phạt đề ngày 13/3/2023 và đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương đề ngày 10/4/2023.

Bị cáo L nộp:

- Bản tóm tắt bệnh án điều trị nội trú của Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh – Sở y tế Hòa Bình chuẩn đoán khi ra viện ngày 8/3/2023 thể hiện bệnh chính bị bán thân bất toại (di chứng nhồi máu não), bệnh kèm theo rối loạn chức năng tiền đình, tăng triglycerid máu đơn thuần.

- Biên lai nộp số tiền 2.283.456đ (hai triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm năm sáu đồng) là số tiền còn phải bồi thường tiếp tuyến theo bản án sơ thẩm.

Bị cáo D nộp: Bản phôi hồ sơ bệnh án cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn năm 2019; Sổ theo dõi và kiểm tra định kỳ trang thiết bị điều trị nhịp tim và đơn thuốc ngày 14/3/2023.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Hoà Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định về pháp luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Tiến G, kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Mạnh L, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Duy D. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HSST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình theo hướng, cụ thể:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 357; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 58; Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt Bùi Tiến G 48 đến 54 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ đi 02 tháng 17 ngày tạm giữ, tạm giam.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 357; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 58; Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Duy D 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 357; điểm b, s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 54, 65 Bộ luật hình sự xử phạt Bùi Mạnh L 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong thời gian luật định và hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo Bùi Tiến G, Bùi Duy D, Bùi Mạnh L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Vân, căn cứ lời khai của các bị cáo khác và lời khai của những người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan khác tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ vào các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ khẳng định:

Để có tiền chi tiêu cho các hoạt động của UBND xã, năm 2009, Bùi Tiến G là Chủ tịch UBND xã Cao Răm (nay là xã Q) đã khởi xướng, đưa ra chủ trương và nhiều lần tổ chức họp bàn thống nhất với Bùi Mạnh L là Bí Thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; Hoàng Văn Lượng, phó bí thư thường trực Đảng ủy xã; Hoàng Văn Thường, Phó Chủ tịch UBND xã; Bùi Duy D, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã để phân chia 1359,5m² đất tại khu gốc Dâu, thuộc xóm Quê Sụ, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình thành 15 lô, đưa ra các mức giá theo các vị trí khác nhau từ 40 triệu đồng/lô đến 45 triệu đồng/lô để giao đất, thu tiền của các hộ dân khi chưa được UBND huyện Lương Sơn cho phép với số tiền 638.000.000đ. Sau đó đến năm 2012 các bị cáo đã dùng số tiền 204.945.000đ để nộp tiền sử dụng đất 15 thửa đất và được UBND huyện Lương Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra Bùi Tiến G còn giao cho Bùi Duy D thu của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Vân số tiền 50.000.000đ với mục đích làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Vân thửa đất số 165- Tờ bản đồ F-48-116-193-a-I tại khu vực Thung Ấm, xóm Quê Sụ, xã Q.

Trong quá trình thực hiện cấp đất thu tiền của các hộ dân, Bùi Tiến G, Bùi Mạnh L, Hoàng Văn Thường, Hoàng Văn Lượng đã thống nhất phân công cho Bùi Duy D làm thủ quỹ đứng ra thu và chi tiền đồng thời chỉ đạo và giao cho Đinh Thị Huệ là cán bộ địa chính xã tiến hành đo đạc, phân lô, chuẩn bị các biên bản, giấy tờ và lá phiếu tổ chức cho các hộ bốc thăm nhận lô.

Số tiền các bị cáo thu của các hộ dân là 688.000.000đ, trừ đi số tiền nộp lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất của 15 thửa đất là 204.945.000đ, số tiền còn lại 483.055.000đ cùng với số tiền lãi 18.000.000đ do anh Đinh Công Hoàn trả các bị cáo tự quản lý, chi tiêu ngoài hệ thống ngân sách Nhà Nước.

Việc phân lô, giao đất, thu tiền cho 15 hộ dân chỉ được thống nhất trong nội bộ lãnh đạo xã Cao Răm, chưa được UBND huyện Lương Sơn chấp thuận, là vượt quá thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 37 Luật Đất đai năm 2003.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, là người giữ cương vị lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, hội đồng nhân dân của xã, cũng như hiểu biết nhất định về quản lý đất đai tại địa phương. Để có tiền chi tiêu ngoài ngân sách của xã, các bị cáo đã cấu kết chặt chẽ họp bàn, thống nhất, phân công vai trò cụ thể trong quá trình thực hiện hành vi giao đất thu tiền vượt quá thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai 2003. Hành vi tổ chức giao đất thu tiền vượt quá thẩm quyền của các bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý đất đai; làm giảm uy tín, lòng tin của nhân dân vào tổ chức Đảng và cơ quan Nhà nước, gây thiệt hại cho lợi ích xã

hội, cho Nhà nước, cho quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Bùi Tiến G, Bùi Duy D, Bùi Mạnh L và các bị cáo khác về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Tiến G:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo đã từng phục vụ trong quân đội và được tặng huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba là người có công với cách mạng trong cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc; trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen, không được hưởng lời, mục đích của việc phạm tội nhằm để chi tiêu chung của xã, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo luôn tỏ ra ăn năn hối hận, có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, tuổi cao thường xuyên bị ốm đau, bị cáo đang nuôi bố già 95 tuổi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cần được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại khoản 2, Điều 51 BLHS.

Bị cáo Bùi Tiến G không có tình tiết tăng nặng, có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Vì vậy khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Bùi Tiến G cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật. Vì vậy có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Tiến G.

[4] Xét kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm điều tra lại vụ án trả lại sự công bằng của bị cáo Bùi Duy D:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bùi Duy D – là Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, nhận thức được việc giao đất, thu tiền là trái pháp luật, vượt quá thẩm quyền, song tham gia bàn bạc, đồng thuận với các bị cáo khác, D cực thực hiện công việc khi được phân công, cụ thể; bị cáo thu, quản lý, chi số tiền và ký biên bản giao đất cho các hộ dân, mặc dù không phải là thủ quỹ, hay thành viên hội đồng xét giao đất của UBND xã Cao Răm. Trực tiếp viết ký Biên bản giao đất, viết phiếu thu, phiếu chi, giấy biên nhận tiền, viết giấy cho Đinh Văn Hoàn vay tiền, ký tên đại diện giao đất, giữ vai trò đồng phạm D cực trong vụ án.

Việc bị cáo D kháng cáo cho rằng bị cáo không được phân công giữ vai trò làm thủ quỹ là không đúng với thực tế, không đúng với lời khai của các bị cáo

khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó việc bị cáo Bùi Duy D kháng cáo cho rằng mình không phạm tội là không có căn cứ.

Bản án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như xem xét về nhân thân của bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã tuyên phạt bị cáo mức hình phạt 48 tháng tù. Về ý thức chấp hành hiện tại bị cáo chưa khắc phục hậu quả, không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Tuy nhiên nhận thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, vai trò đồng phạm là giúp sức. Về nhân thân có lý lịch, nơi cư trú rõ ràng, quá trình công tác cũng có nhiều công lao đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, mặt khác bị cáo đã từng tham gia quân đội, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế về vang tại Campuchia, được chủ tịch nước tặng Huân chương hạng ba và Huân chương chiến sỹ về vang, hiện tại đang mắc bệnh về tim mạch, phải cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn, bị cáo không được hưởng lời từ việc phạm tội. Do đó xét thấy giảm một phần mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp. Đây là thể hiện tính nhân văn, chính sách khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Bùi Mạnh L:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như xem xét về nhân thân bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã tuyên phạt bị cáo 36 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên xét vai trò bị cáo là đồng phạm giúp sức giữ vai trò thứ yếu, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo đã từng tham gia kháng chiến và được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ về vang là người có công với cách mạng trong cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên cần áp dụng cho bị cáo. Trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen, bị cáo có nhiều bệnh lý Gout cấp, tăng huyết áp, đột quỵ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 2.283.456đ (*hai triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm năm sáu đồng*) là số tiền còn phải bồi thường tiếp tuyên theo bản án sơ thẩm và bị cáo nộp bản tóm tắt bệnh án điều trị nội trú của Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh – Sở y tế Hòa Bình chuẩn đoán khi ra viện ngày 8/3/2023 thể hiện bệnh chính bị bán thân bất toại (di chứng nhồi máu não), bệnh kèm theo rối loạn chức năng tiền đình, tăng triglycerid máu đơn thuần. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo.

Xét bị cáo Bùi Mạnh L có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa

án nhân dân tối cao để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Mạnh L.

[5] Xét kháng cáo xin được cấp đất của bà Nguyễn Thị Vân:

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị Vân là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vân theo quy định tại khoản 4 Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự, tuy nhiên việc bà Vân kháng cáo xin được cấp đất là không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà: Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Tiến G, kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Mạnh L, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D về việc kêu oan, không chấp nhận kháng cáo của bà Vân, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Duy D. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HSST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đây là sửa khách quan do có tình tiết mới.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí phúc thẩm: Các Bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Tiến G về việc xin giảm hình phạt.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Mạnh L về việc xin hưởng án treo.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Duy D về việc kêu oan.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Vân về việc xin được cấp đất.

[2] Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HSST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình. Cụ thể:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Tiến G, Bùi Duy D, Bùi Mạnh L phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”

- Áp dụng: điểm a, khoản 2 Điều 357; điểm b, s, **x** khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Tiến G 48 (bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn tù, tính từ ngày tự nguyện đi thi hành án hoặc bị bắt thi hành án, được trừ đi 02 (hai) tháng 17 ngày đã tạm giam.

- Áp dụng: điểm a, khoản 2 Điều 357; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Duy D 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án.

- Áp dụng: Điểm a, khoản 2 Điều 357; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Mạnh L 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Mạnh L cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HS- ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 17/4/2023.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội.
- VKSND cấp cao tại Hà Nội.
- VKSND tỉnh Hòa Bình.
- VKSND huyện Lương Sơn.
- TAND huyện Lương Sơn.
- Chi cục THADS h. Lương Sơn
- UBND xã Q, h. Lương Sơn.
- *Đảng ủy huyện Lương Sơn.*
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Đoàn

